

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-BB/CHOLIMEX FOOD/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 37653389 - 37654946

Fax: (028) 37653025

Email: cholimexfood@cholimexfood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0304475742

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **BÁT GIẤY DÙNG ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM**

2. Thành phần: Giấy (Cellulose)

Thông tin, cảnh báo: Không dùng để chứa thực phẩm ở nhiệt độ quá 85

°C. Không phù hợp để chứa chất béo, dầu và các thực phẩm bảo quản trong dầu

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không sử dụng sản phẩm khi bị ẩm ướt, bục rách


4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao PE và xếp vào thùng carton: 180 cái/ thùng carton;
300 cái/ thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

ZHEJIANG SOWINPAK CO., LTD.

National Road 104, Wanquan Light Industrial Area, Pingyang County, Wenzhou City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến). 



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex nhập khẩu, sử dụng sản phẩm **Bát giấy dùng đóng gói thực phẩm** đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

TCVN 12723:2019 - Giấy và các tông tiếp xúc với thực phẩm – yêu cầu an toàn vệ sinh.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2022

P. TÔNG GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Thị Huyền Trang



NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **BÁT GIẤY DÙNG ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM – B3533 (Phi 150 x 45 mm)**

Thành phần: Giấy (Cellulose)

Thông tin, cảnh báo: Không dùng để chứa thực phẩm ở nhiệt độ quá 85 °C.

Không phù hợp để chứa chất béo, dầu và các thực phẩm bảo quản trong dầu

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chứa đựng thực phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát; tránh ánh nắng chiếu trực tiếp; tránh nước mưa; tránh xa nguồn nhiệt cao, hóa chất.

Tháng sản xuất:

Nhà nhập khẩu: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II – Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc – Xã Vĩnh Lộc A – Huyện Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh

Nhà xuất khẩu: **PACOVIS AG**

Grabenmattenstrasse 19, 5608 Stetten, Switzerland (Thụy Sĩ)

Nhà sản xuất: **ZHEJIANG SOWINPAK CO., LTD.**

National Road 104, Wanquan Light Industrial Area, Pingyang County, Wenzhou City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

Xuất xứ: Trung Quốc

Ngày 23 tháng 05 năm 2022



Nguyễn Thị Huyền Trang



BÁT GIẤY (PHI 150x45mm)

Ngày 25 tháng 05 năm 2022

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Huyền Trang



Ngày 23...tháng 05...năm 2022

P. Tổng Giám Đốc *[Signature]*



Nguyễn Thị Huyền Trang



Ngày 23 tháng 05 năm 2022
P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Huyền Trang



Ngày 26 tháng 05 năm 2022
P. Tổng Giám Đốc [Signature]



Nguyễn Thị Huyền Trang

B612

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: **BÁT GIẤY DÙNG ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM – B3534 (Phi 185 x 49 mm)**

Thành phần: Giấy (Cellulose)

Thông tin, cảnh báo: Không dùng để chứa thực phẩm ở nhiệt độ quá 85 °C.

Không phù hợp để chứa chất béo, dầu và các thực phẩm bảo quản trong dầu

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chứa đựng thực phẩm

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát; tránh ánh nắng chiếu trực tiếp; tránh nước mưa; tránh xa nguồn nhiệt cao, hóa chất.

Tháng sản xuất:

Nhà nhập khẩu: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II – Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc – Xã Vĩnh Lộc A – Huyện Bình Chánh – Thành phố Hồ Chí Minh

Nhà xuất khẩu: **PACOVIS AG**

Grabenmattenstrasse 19, 5608 Stetten, Switzerland (Thụy Sĩ)

Nhà sản xuất: **ZHEJIANG SOWINPAK CO., LTD.**

National Road 104, Wanquan Light Industrial Area, Pingyang County, Wenzhou City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

Xuất xứ: Trung Quốc

Ngày 23 tháng 05 năm 2022



Nguyễn Thị Huyền Trang



B3534

BÁT GIẤY (PHI 185x49mm)

Ngày 23 tháng 05 năm 2022
P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Huyền Trang

Art.-Nr.
NP Part. **B3534**



LOT **167882**

Kühl und trocken lagern!
Tenir au sec max. 40°C

Salatschalen Kraft/PLA 840ml, Margherita
200 Stück

Salad bowls Kraft/PLA 840ml, Margherita
180 pieces

pacovis
food packaging
PACOVIS AG, 5600 Stetten, Switzerland

naturesse

Ngày 27 tháng 05 năm 2022
P. Tổng Giám Đốc M



Nguyễn Thị Huyền Trang

B612



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Lô C40-43/1, C51-55/11, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(084 - 28) 3765 3389/90/91 cholimexfood@cholimexfood.com.vn

(084- 28) 3765 3025 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: BÁT GIẤY DÙNG ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM

Yêu cầu an toàn

Bát giấy dùng đóng gói thực phẩm phải khô, sạch, không có khuyết tật như lỗ thủng, không có tạp chất và không có mùi lạ.

Bát giấy dùng đóng gói thực phẩm phải tuân thủ các yêu cầu của *TCVN 12723:2019 – Giấy và các tông tiếp xúc thực phẩm – Yêu cầu an toàn vệ sinh:*

Bảng 1 - Yêu cầu an toàn

Tên chỉ tiêu	Dạng thực phẩm tiếp xúc	Giới hạn tối đa cho phép	
		Trong giấy và sản phẩm giấy	Thôi nhiễm vào thực phẩm
1. Hàm lượng chì (Pb)	Thực phẩm ướt và/hoặc có chứa dầu mỡ	10 µg/l dịch chiết lạnh	-
	Tất cả các loại thực phẩm	3 µg/dm ²	-
	Thực phẩm ướt và có chứa dầu mỡ	3,0 mg/kg	-
2. Hàm lượng cadimi (Cd)	Thực phẩm ướt và /hoặc có chứa dầu mỡ	5 µg/l dịch chiết lạnh	-
	Thực phẩm ướt và có chứa dầu mỡ	0,5 mg/kg	-
3. Hàm lượng chromium hóa trị 6 (CrVI)	Thực phẩm ẩm và/hoặc có chứa dầu mỡ	0,25 mg/kg	-
4. Hàm lượng thủy ngân (Hg),	Thực phẩm ẩm và/hoặc có chứa dầu mỡ	0,3 mg/kg	-
5. Hàm lượng pentachlorophenol (PCP)	Tất cả các loại thực phẩm	0,1 mg/kg	-
6. Hàm lượng formaldehyt	Tất cả các loại thực phẩm	1,0 mg/dm ²	-
7. Độ bền màu của phẩm màu, mực in	Thực phẩm ướt và/hoặc có chứa dầu mỡ	Không dây màu (mức 5)	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎ (084 - 28) 3765 3389/90/91

✉ cholimexfood@cholimexfood.com.vn

☎ (084-28) 3765 3025

🌐 www.cholimexfood.com.vn

MST: 0304 475 742

8. Độ bền màu của chất tăng trắng quang học	Thực phẩm ướt và/ hoặc có chứa dầu mỡ	Không dây màu (mức 5)	-
9. Hàm lượng biphenyl polyclo hoá (PCB)	Tất cả các loại thực phẩm	2,0 mg/kg	-
10. Thuốc nhuộm azo:			
- Tổng các amin	Tất cả các loại thực phẩm	-	0,01 mg/kg
- Từng amin riêng lẻ			0,002 mg/kg
11. Hàm lượng phtalat:			
- Dibutylphtalat(DBP)			0,3 mg/kg
- Diisobutylphtalat(DiBP)	Tất cả các loại thực phẩm	-	0,3 mg/kg
- Tổng: DBP và DiBP			0,3 mg/kg
- Di(2-ethylhexyl)phtalat			1,5 mg/kg
12. Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Tất cả các loại thực phẩm	1 x 10 ³ , CFU/g	-
13. Tổng số nấm mốc	Tất cả các loại thực phẩm	50 CFU/g	-

Ngày phê duyệt: 29.05.2022

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Huyền Trang

KT3-00928AHD2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/05/2022
Trang 01/05

- Tên mẫu : **BÁT GIẤY DÙNG ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
(xem hình trang 05/05)
Trên bao chứa mẫu có dán tem thông tin hồ sơ 00425/N3.22/ĐG/MC
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/03/2022
- Thời gian thử nghiệm : 15/03/2022 - 23/03/2022
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**
Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh,
Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-00928AHD2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/05/2022
Trang 02/05

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh bằng phương pháp phổ hồng ngoại (lớp giữa)		ASTM E 1252 - 98		Cellulose
7.2 Hàm lượng pentachlorophenol chiết được trong nước ở (23 ± 2) °C trong 24 giờ	mg/kg	BS EN ISO 15320: 2015	0,01	KPH/ND
7.3 Hàm lượng các kim loại chiết được trong nước ở (23 ± 2) °C trong 24 giờ				
• Pb	mg/kg	BS EN 12498	0,125	KPH/ND
• Cd	mg/kg	: 2018	0,125	KPH/ND
• Hg	mg/kg		0,125	KPH/ND
• Cr 6+	mg/kg	BS EN 12497 : 2005	0,125	KPH/ND
7.4 Hàm lượng formaldehyde trong nước chiết	mg/dm ²	EN 1541 : 2001	0,001	0,009
7.5 Độ bền màu của giấy (loại được làm trắng bằng chất tẩy trắng huỳnh quang)	mức/grade	TCVN 10089 : 2013	-	
• Mức dây màu khi tiếp xúc				
a. Nước cất				5
b. Acetic acid 3 %				5
c. Dung dịch mô phỏng nước bột				5
d. Dầu ô liu				5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00928AHD2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/05/2022
 Trang 03/05



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.6 Hàm lượng chất thôi nhiễm trong isooctane sau 2 ngày ở 20°C	mg/kg	EN 16453 : 2014		
a. Di(2-ethylhexyl)-phthalate (DEHP)			0,1	KPH/ND
b. Dibutylphthalate (DBP)			0,1	KPH/ND
c. Diisobutylphthalate (DiBP)			0,1	KPH/ND
d. Dibutylphthalate (DBP) và Diisobutylphthalate (DiBP)			0,1 ⁽³⁾	KPH/ND
7.7 Các hợp chất amine thơm cơ bản thôi nhiễm trong nước ở (23 ± 2) °C trong 24 giờ ⁽²⁾	mg/kg	EN 17163 : 2019		
• Từng amine riêng lẻ			0,002 ⁽³⁾	KPH/ND
• Tổng các amine				< 0,01
7.8 Hàm lượng polychlorinated biphenyls (PCBs) ⁽⁴⁾ ,	mg/kg	TCVN 10095: 2013	0,05	KPH/ND
7.9 Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	TCVN 12723 : 2019	-	< 5
7.10 Tổng số nấm mốc	CFU/g	TCVN 12723 : 2019	-	< 5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00928AHD2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

11/05/2022
Trang 04/05



Ghi chú/ Note :

PTN chưa thực hiện được các chỉ tiêu chất kháng khuẩn

KPH/ND : Không phát hiện

⁽¹⁾ Mức 5: Không có sự dầy màu

Mức 1: Dầy màu nhiều nhất

⁽²⁾ Danh sách các amin được khảo sát:

1.	Biphenyl-4-ylamine/ 4-aminobiphenyl xenylamine	9.	4-methoxy-m-phenylenediamine	16.	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)
2.	Benzidine	10.	4,4'-diaminodiphenylmethane/ 4,4'-methylenedianiline	17.	4,4'-oxydianiline
3.	4-chlor-o-toluidine	11.	3,3'-dichlorobenzidine/ 3,3'-dichlorobiphenyl-4,4'-ylenediamine	18.	4,4'-thiodianiline
4.	2-naphthylamine	12.	3,3'-dimethoxybenzidine/ o-dianisidine	19.	o-toluidine/ 2-aminotoluene
5.	o-aminoazotoluene/ 4-amino-2',3-dimethylazobenzene/ 4-o-tolylazo-o-toluidene	13.	3,3'-dimethylbenzidine/ 4,4'-bi-o-toluidine	20.	4-methyl-m-phenylenediamine
6.	5-nitro-o-toluidine	14.	4,4' -methylene-di-o-toluidine	21.	2,4,5-trimethylaniline
7.	4-chloraniline	15.	6-methoxy-m-toluidine/ p-cresidine	22.	o-anisidine/ 2-methoxyaniline
8.	4-aminoazobenzene				

⁽³⁾ Giới hạn phát hiện cho từng cấu tử

⁽⁴⁾ : Polychlorinated biphenyls (PCBs) được xác định dựa trên các chất sau:

- 2,2',5'- trichlorobiphenyl
- 2,4,4'- trichlorobiphenyl
- 2,2',5,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',4,5,5'- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5,5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5,5'- heptachlorobiphenyl

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-00928AHD2/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/05/2022

Trang 05/05



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.